

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT TIÊN LÃNG

(Đề thi có ____ trang)

Giữa học kì I

NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN: GD kinh tế & pháp luật 12

Thời gian làm bài: 45

(không kể thời gian phát đề)

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 21. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định so với thời kỳ gốc là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tăng trưởng xã hội.** **B. Tăng trưởng kinh tế.**
C. Phát triển kinh tế. **D. Hôi nhập kinh tế.**

Câu 2: Khi đánh giá sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta **không** căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây?

- A.** Cơ cấu vùng kinh tế.
B. Cơ cấu ngành kinh tế.
C. Cơ cấu quốc phòng.
D. Cơ cấu thành phần kinh tế.

Câu 3: Trong mỗi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển kinh tế thì tăng trưởng kinh tế **không** đóng vai trò nào dưới đây?

- A.** Là nội dung của phát triển bền vững.
B. Là động lực của phát triển xã hội.
C. Là điều kiện cần thiết thiết để phát triển bền vững.
D. Là nhân tố bên ngoài của phát triển bền vững.

Câu 4: Đối với mỗi quốc gia, tăng trưởng và phát triển kinh tế có vai trò quan trọng, là điều kiện cần thiết để

- A.** thúc đẩy tỷ lệ thất nghiệp.
B. gia tăng tỷ lệ lạm phát.
C. thúc đẩy phân hóa giàu nghèo.
D. khắc phục tình trạng đói nghèo.

Câu 5: Quá trình một quốc gia thực hiện việc gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên cơ sở cùng có lợi và tuân thủ quy định chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A.** Kinh tế đối ngoại.
B. Hội nhập kinh tế.
C. Phát triển kinh tế.
D. Tăng trưởng kinh tế.

Câu 6: Đối với các nước đang phát triển, việc tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mang lại lợi ích nào dưới đây?

- A.** Lệ thuộc tài chính vào nước lớn.
B. Tận dụng được nguồn tài chính.
C. Mở mang thêm phạm vi lãnh thổ.
D. Được chuyển lên thành nước lớn.

Câu 7: Ngày 11/11/2011 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê được ký kết và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

- A.** khu vực. **B.** song phương. **C.** châu lục. **D.** toàn cầu.

Câu 8: Quá trình liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia với nhau dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau là biểu hiện của hình thức hợp tác quốc tế ở cấp độ

- A.** hội nhập toàn cầu.
B. hội nhập khu vực.
C. hội nhập song phương.
D. hội nhập toàn diện.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A.** Gia tăng tỷ lệ lạm phát. **B.** Tăng thu ngân sách nhà nước.
- C.** Mở rộng hội nhập quốc tế. **D.** Tạo ra nhiều việc làm mới.

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây là sai về vai trò của bảo hiểm?

- A.** Tham gia bảo hiểm sẽ giúp mỗi cá nhân tham gia được an tâm tài chính khi về già.
B. Bảo hiểm thất nghiệp chỉ có ý nghĩa đối với người bị mất việc làm thời kì dịch bệnh.
C. Bảo hiểm tài sản giúp doanh nghiệp bảo đảm về tài sản và ổn định sản xuất kinh doanh.
D. Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức thực hiện nhằm mục tiêu xã hội.

Câu 11: Xét về bản chất thì bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thương mại đều có điểm chung ở chỗ các loại hình bảo hiểm này đều

- A. là một loại hình của dịch vụ tài chính.
- B. có độ rủi ro cao và không nên tham gia.
- C. người tham gia bao giờ cũng thua thiệt.
- D. có tính bắt buộc mọi chủ thể tham gia.

Câu 12: Loại hình bảo hiểm nào dưới đây nhằm bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm theo quy định?

- A. Bảo hiểm y tế.
- B. Bảo hiểm con người.
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm xã hội.

Câu 13: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng thụ hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố.
- B. Ngăn ngừa rủi ro.
- C. Khắc phục rủi ro.
- D. Quản lý xã hội.

Câu 14: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Hưởng thu nhập vô điều kiện
- B. Được hoàn trả lợi ích đã mất.
- C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.
- D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 15: Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ y tế.
- B. Chính sách trợ giúp việc làm.
- C. Chính sách hỗ trợ nhà ở.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 16: Việc Nhà nước có biện pháp để mở rộng quy mô và chất lượng các trường dạy nghề là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách giáo dục.
- B. Chính sách dịch vụ xã hội.
- C. Chính sách tài chính công.
- D. Chính sách việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18,19

Tính chung thời kì thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực. Quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỉ USD năm 2010 lên 268,4 tỉ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020. Về hoạt động kinh tế đối ngoại với việc ký kết và thực thi Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Việt Nam đã cơ bản hoàn thành những mục tiêu quan trọng nhất trong Chiến lược đàm phán hiệp định thương mại tự do giai đoạn 2010 - 2020. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều). Thực hiện nhiều giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Hệ thống các chính sách xã hội và dịch vụ xã hội ngày càng được củng cố và tăng cường, người dân không chỉ là chủ thể của phát triển kinh tế còn là chủ thể thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 17: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết giữa Việt Nam và các đối tác là biểu hiện của hình thức hợp tác

- A. Song phương.
- B. Đa phương.
- C. Toàn cầu.
- D. Khu vực.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện sự tác động tích cực của phát triển kinh tế đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở nước ta?

- A. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước giảm.
- B. Tạo nhiều việc làm giảm thất nghiệp.
- C. Các dịch vụ xã hội phát huy hiệu quả.
- D. Tăng trưởng thuộc nhóm cao trong khu vực.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây vừa là chỉ tiêu đánh giá sự phát triển kinh tế xã hội vừa nội dung cơ bản của chính sách an sinh xã hội được thể hiện trong thông tin trên?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP.
- B. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.
- C. Tỷ lệ thất nghiệp dân cư.
- D. Mối quan hệ dân tộc.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 20,21

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

Câu 20: Nguyên nhân cơ bản giúp Việt Nam có tiềm lực để thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội được đề cập trong thông tin trên bắt nguồn từ

A. thực hiện tăng trưởng xanh.

B. tiêu dùng bền vững.

C. thu nhập đầu người tăng.

D. kinh tế có sự tăng trưởng

Câu 21: Nội dung nào dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc phát triển bền vững?

A. Sản xuất và tiêu dùng bền vững.

B. Đẩy nhanh tốc độ tăng GDP.

C. Tăng thu nhập trên đầu người.

D. Cắt giảm chính sách an sinh.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 22: Đọc đoạn thông tin sau:

Quy mô nền kinh tế Việt Nam ngày càng mở rộng, GDP/người và GNI/người tăng liên tục trong nhiều năm. Năm 1991, GNI/người đạt 110 USD/người, tăng lên 4010 USD/người năm 2022. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP và giảm tỉ trọng lao động ngành nông nghiệp trên tổng lao động xã hội. Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp - xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38,17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm từ 73,2% năm 1990 xuống còn 27,5% vào năm 2022. Đến năm 2022 số lao động có việc trong các ngành kinh tế là 50,6 triệu người, tăng 1.532,7 nghìn người so với năm 2021. Năm 2021, số người tham gia bảo hiểm xã hội đạt 16.546,8 nghìn người, tăng 2,4% so với năm 2020; có 88.837,2 nghìn người tham gia bảo hiểm y tế, tăng 1% và có 13.394,9 nghìn người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng 0,5% so với năm 2020. Năm 1990, HDI của Việt Nam đạt 0,477 điểm, đến năm 2022 là 0,703 điểm; tuổi thọ trung bình đã gần tiệm cận mục tiêu 75 tuổi. Tuy trình độ phát triển con người có sự cải thiện nhưng chưa thực sự ổn định và thiếu bền vững, Việt Nam vẫn là quốc gia có điểm số HDI thấp nhất trong nhóm các quốc gia có HDI cao, xếp thứ 115/191 (năm 2021) quốc gia và vùng lãnh thổ.

a) GNI/người tăng từ 110 USD lên 4010 USD không phản ánh tốc độ tăng trưởng kinh tế mà chỉ biểu thị quy mô của nền kinh tế được mở rộng.

b) Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm nhanh so với các ngành dịch vụ và công nghiệp là phù hợp với mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phát triển mạnh về kinh tế.

c) Số lao động có việc làm ngày càng tăng phản ánh chính sách an sinh xã hội về hỗ trợ việc làm tăng thu nhập phù hợp và có ý nghĩa thiết thực.

d) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa phản ánh xu hướng phát triển của nền kinh tế vừa góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

Câu 23: Đọc đoạn thông tin sau:

Trong những năm qua, sản xuất và xuất khẩu nông sản đã tạo nên những dấu ấn quan trọng, giúp khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ xuất khẩu nông sản thế giới. Nếu năm 2010, các mặt hàng nông sản chính được xuất khẩu đến 72 quốc gia và vùng lãnh thổ, thì đến năm 2020 đã được xuất khẩu đến 180 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong đó, hai thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ (chiếm 27,46% tổng giá trị xuất khẩu năm 2020) và Trung Quốc (chiếm 20,9%). Cùng thời gian này, Việt Nam còn xuất khẩu nông sản sang các thị trường đối tác lớn khác như EU (9,15%), ASEAN (8,58%), Nhật Bản (8,34%), Hàn Quốc (5,02%), Anh (2%), Úc (1,68%), Canada (1,62%).

a) Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa nông sản là phù hợp với việc đa dạng hóa các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đang thực hiện.

b) Kết quả xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong những năm qua thể hiện đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là phù hợp.

c) Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết một số hiệp định thương mại về xuất khẩu hàng hóa là biểu hiện của hình thức hội nhập khu vực.

d) Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chỉ dựa vào xuất khẩu nông sản là sự tăng trưởng không bền vững và không đóng góp vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế.

Câu 24: Đọc đoạn thông tin sau:

Chị T có 2 con nhỏ trong đó cháu thứ hai không may bị bệnh bẩm sinh, chồng mất sớm khiến gia đình gặp nhiều khó khăn. Sau khi nộp hồ sơ xin việc, chị được nhận vào làm nhân viên kế toán cho công ty H. Chị đã kí hợp đồng làm việc xác định thời hạn với công ty và đã đóng bảo hiểm thất nghiệp được 5 năm theo quy định của Luật Việc làm. Khi công việc kinh doanh khó khăn, chị T bị chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn do công ty cắt giảm nhân viên. Vì chưa tìm được việc làm mới, đời sống khó khăn, chị T đã đến Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để nộp hồ sơ nhận bảo hiểm thất nghiệp và được thanh toán tiền hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Biết được hoàn cảnh của chị, Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã hỗ trợ chị vay vốn để chuyển đổi nghề nghiệp, phòng Lao động và thương binh xã hội Huyện đã lập danh sách con gái thứ 2 của chị vào diện được hưởng trợ cấp hàng tháng nhằm giảm bớt khó khăn cho gia đình chị.

a) Hoạt động hỗ trợ con gái của chị T bị bệnh bẩm sinh là phù hợp với chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản trong hệ thống các chính sách an sinh xã hội của nhà nước.

b) Việc vay vốn để chuyển đổi sản xuất từ Ngân hàng chính sách xã hội của chị T là vận dụng an sinh xã hội về đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Số tiền trợ cấp thất nghiệp mà chị T được hưởng thể hiện vai trò của bảo hiểm trong việc chia sẻ rủi ro với người tham gia.

d) Chủ thể của loại hình bảo hiểm thất nghiệp là người lao động, chủ sử dụng lao động không được tham gia loại hình bảo hiểm này.

Câu 25: Đọc đoạn thông tin sau:

Nhờ sự hội nhập quốc tế, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng mạnh qua các năm, từ 10 tỉ USD (năm 1995) lên 38 tỉ USD (năm 2019). Năm 2019, Việt Nam xếp thứ 21 về thu hút vốn FDI toàn thế giới, đứng thứ ba ở khu vực, chỉ sau Singapore và Indonesia. Khu vực FDI góp phần không nhỏ trong việc tạo việc làm cho người lao động. Theo Tổng cục Thống kê (2019), kết quả Điều tra Lao động - Việc làm quý 1/2019, khu vực doanh nghiệp FDI đã và đang tạo công ăn việc làm cho 3,8 triệu người lao động, chiếm trên 7% trong tổng lực lượng lao động (trên 54 triệu lao động), chiếm trên 15% trong tổng lao động làm công ăn lương (25,3 triệu người) ở Việt Nam. Bên cạnh tạo việc làm trực tiếp, khu vực FDI cũng gián tiếp tạo việc làm cho rất nhiều lao động trong các ngành công nghiệp phụ trợ hay các doanh nghiệp khác nằm trong chuỗi cung ứng hàng hoá cho các doanh nghiệp FDI.

a) Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Vốn đầu tư nước ngoài là hoạt động đầu tư quốc tế thông qua hình thức hợp tác song phương.

c) Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

d) Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vừa là cơ hội đồng thời cũng là thách thức đối với hệ thống an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.

-----HẾT -----

-----HẾT -----